|  |  |
| --- | --- |
|  | Hội Sở chínhSố 89 Láng Hạ, Đống Đa, Hà NộiĐT: (84.24) 39288869 Fax: (84.24) 39288867Swift: VPBKVNVX Website:www.vpbank.com.vn |
|  |  |

**PHỤ LỤC ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI THÔNG TIN KHÁCH HÀNG, TÀI KHOẢN THANH TOÁN**

*Đính kèm Giấy đề nghị …………………………………….…….……………….. do Khách hàng ký ngày………./………./……… (“Giấy đề nghị”)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **A. PHẦN DÀNH CHO KHÁCH HÀNG** | | | | | | | | | |
| **I. ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÔNG TIN KHÁCH HÀNG** | | | | | | | | | |
| Tên mới: *………………………………………….……………………………………………………………………………….………….……………………………*  ĐKDN/ĐKKD/QĐTL: *……………………………..………..……………* Ngày đăng ký/thành lập: *…………………………………*  Nơi cấp: *………………………………………………….………* Đăng ký thay đổi lần *……………* ngày*…./…/…..*  Mã số doanh nghiệp: ……………………………….[[1]](#footnote-2)  Mã số thuế (nếu có): *……………………………………………………………………*  Số định danh của tổ chức (nếu có):  Điện thoại cố định: *………………………………………………………..* Fax: *………………………………………*  Điện thoại di động: *………………………………………….……………* Email: *………………………………………………*  *(sử dụng để nhận các thông báo từ VPBank)*  Trang thông tin điện tử (nếu có): ……………………………………………………………………………………………………………………  Địa chỉ trụ sở chính mới: *………………………………………………………………………………………………………………………………………*  Địa chỉ giao dịch mới: ..*…………………………………………………………………………………………………….……………………………………*  Lĩnh vực kinh doanh: *………………………………………………………………………………………………………..……………………………………*   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Doanh thu năm trước (tỷ đồng): | | | | | | | | ≤ 3 | Trên 10 - 20 | | Trên 30 - 50 | Trên 100 - 200 | | Trên 300 - 400 | | Trên 3 - 10 | Trên 20 - 30 | | Trên 50 - 100 | Trên 200 - 300 | | > 400 | | Tổng nguồn vốn (tỷ đồng): | | | | | | | | ≤ 03 | Trên 20 - 50 | | > 100 | Trên 3 - 20 | | Trên 50 - 100 | | Số lượng lao động: | | Từ 10 người trở xuống | | | Trên 10 người | | | Số lượng lao động tham gia BHXH bình quân năm (người):   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | ≤ 10 | Trên 10 - 50 | Trên 50 - 100 | Trên 100 - 200 | > 200 | | | | | | | | | Khách hàng được sở hữu bởi Phụ nữ, cụ thể:  (WOS1) - Khách hàng có ít nhất 51% cổ phần sở hữu bởi phụ nữ.  (WOS2) - Khách hàng có ít nhất 20% đến dưới 51% số vốn góp/ cổ phần sở hữu bởi phụ nữ và có ít nhất 01 phụ nữ là Giám đốc/TGĐ đồng thời có ít nhất 30% phụ nữ là thành viên trong HĐQT/HĐTV.  MOS - Khách hàng không được sở hữu bởi phụ nữ. | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **II. ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÔNG TIN, CHỮ KÝ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN (”TK”) CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ TÀI KHOẢN, NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN SỬ DỤNG TK (NHÓM CHỮ KÝ THỨ NHẤT)** | | | | | | | | | |
| **1. THÔNG TIN NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** | | | | | | | | | |
| **Đăng ký mới** **Thay đổi** **Khác:***………………* | | | | | **MẪU CHỮ KÝ 1**  *(Mẫu chữ ký mới)* | | | **MẪU CHỮ KÝ 2**  *(Mẫu chữ ký mới)* | |
| Họ và tên: *………………………………..…………………….……*  Ngày, tháng, năm sinh: *……………………………………….*  Nam Nữ  Nghề nghiệp: *………………………….……..*  Chức vụ: *……….…………….……*  Quốc tịch: *……………………………………….*  Mã số thuế (nếu có): *…….…….………..*  Thông tin định danh do CQ có thẩm quyền NN cấp[[2]](#footnote-3): ……………………………………………………………….  Giấy tờ tùy thân[[3]](#footnote-4): *………………………….*[[4]](#footnote-5)  Ngày cấp: *……………………………..…*Nơi cấp: *………………*  Có giá trị đến: ……………………………………  Điện thoại: *…………………………..…………………*  Email: *…………………………………………….* | | | | |  | | |  | |
| Địa chỉ thường trú: *………………………………………………………………………………………………...*  Tình trạng cư trú:  Cư trú  Không cư trú  **Đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam:**  Số thị thực/ Giấy tờ thay thế thị thực: *…………….……………* Nơi cấp: *……………………….……* Ngày hết hạn: *………………………………*[[5]](#footnote-6)  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở nước ngoài: ………………………….  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở Việt Nam: ………………..  **Đối với cá nhân mang hai quốc tịch,bổ sung thêm các nội dung sau liên quan đến quốc tịch còn lại**:  Quốc tịch: ……..  Số Hộ chiếu: *…………………………..……………..……………*  Ngày cấp: *……………………………..……….* Nơi cấp: *………………..….………* Ngày hết hạn hiệu lực:…………………..  Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch còn lại: …………… | | | | | | | | | |
| **Thông tin Đại diện theo pháp luật đăng ký hủy bỏ (nếu có):**  Họ và tên: *……………………………………………………………….……………* Ngày sinh: *……………………………………………………………*  Thẻ CCCD/Thẻ CC/CCĐT/CMND/HC/Giấy chứng nhận căn cước/: *…………………………………….………* Ngày cấp: *……………………* Nơi cấp: *……..……………* | | | | | | | | | |
| **2. THÔNG TIN NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN LÀ GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH/TRƯỞNG VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN là Đại diện hợp pháp thứ …..** | | | | | | | | | |
| **Đăng ký mới**  **Thay đổi** **Khác:***………………* | | | | | **MẪU CHỮ KÝ 1**  *(Mẫu chữ ký mới)* | | | **MẪU CHỮ KÝ 2**  *(Mẫu chữ ký mới)* | |
| Họ và tên: *………………………………..…………………….……*  Ngày, tháng, năm sinh: *…………………*Nam Nữ  Nghề nghiệp: *………………………….……..* Chức vụ: *……….…………….……*  Quốc tịch: *……………………………………….*  Mã số thuế (nếu có): *…….…….………..*  Thông tin định danh do CQ có thẩm quyền NN cấp[[6]](#footnote-7): ……………………………………………………………….  Giấy tờ tùy thân[[7]](#footnote-8): *………………………….[[8]](#footnote-9)*  Ngày cấp: *……………………………..…*Nơi cấp: *………………*  Có giá trị đến: ……………………………………  Điện thoại: *…………………………..………*Email: *……………………………………* | | | | |  | | |  | |
| Địa chỉ thường trú: *………………………………………………………………………………………………...*  Tình trạng cư trú:  Cư trú  Không cư trú  **Đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam:**  Số thị thực/ Giấy tờ thay thế thị thực: *…………….……………* Nơi cấp: *……………………….……* Ngày hết hạn: *………………………………[[9]](#footnote-10)*  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở nước ngoài: ………………………….  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở Việt Nam: ………………..  **Đối với cá nhân mang hai quốc tịch,bổ sung thêm các nội dung sau liên quan đến quốc tịch còn lại**:  Quốc tịch: ……..  Số Hộ chiếu: *…………………………..……………..……………*  Ngày cấp: *……………………………..……….* Nơi cấp: *………………..….………* Ngày hết hạn hiệu lực: …………………..  Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch còn lại: …………… | | | | | | | | | |
| **Phạm vi đại diện, thời hạn ủy quyền của Chủ tài khoản:**  Mặc định theo nội dung ủy quyền tại văn bản đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán của tài khoản số …………….. ký ngày………. tháng ….... năm ……..  Trường hợp không áp dụng nội dung ủy quyền nêu trên, Khách hàng cung cấp thông tin văn bản ủy quyền như sau: Văn bản ủy quyền số…………ngày…………. của ………………….. | | | | | | | | | |
| **Thông tin Giám Đốc chi nhánh/Trưởng văn phòng đại diện đăng ký hủy bỏ (nếu có):**  Họ và tên: *……………………………………………………………* Ngày sinh: *……………………………………………………….……………………*  Thẻ CCCD/Thẻ CC/CCĐT/CMND/HC/Giấy chứng nhận căn cước: *……………………………* Ngày cấp: *……………………….……* Nơi cấp: *……………………………* | | | | | | | | | |
| **3. THÔNG TIN NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN là người Đại diện hợp pháp thứ …..** | | | | | | | | | |
| **Đăng ký mới**  **Thay đổi**  **Hủy**  **Khác:** …………… | | | | | **MẪU CHỮ KÝ 1**  *(Mẫu chữ ký mới)* | | | **MẪU CHỮ KÝ 2**  *(Mẫu chữ ký mới)* | |
| Họ và tên: *………………………………..…………………….……*  Ngày, tháng, năm sinh: *……………………………* Nam Nữ  Nghề nghiệp: *………………………….……..*  Chức vụ: *……….…………….……*  Quốc tịch: *……………………………*Mã số thuế (nếu có): *…….…….………..*  Thông tin định danh do CQ có thẩm quyền NN cấp[[10]](#footnote-11): ……………………………………………………………….  Giấy tờ tùy thân[[11]](#footnote-12): *………………………….*[[12]](#footnote-13)  Ngày cấp: *……………………………..…*Nơi cấp: *………………*  Có giá trị đến: ……………………………………  Điện thoại: *…………………………..……*Email: *…………………………………………….* | | | | |  | | |  | |
| Địa chỉ thường trú: *………………………………………………………………………………………………...*  Tình trạng cư trú:  Cư trú  Không cư trú  **Đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam:**  Số thị thực/ Giấy tờ thay thế thị thực: *…………….……………* Nơi cấp: *……………………….……* Ngày hết hạn: *………………………………[[13]](#footnote-14)*  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở nước ngoài: …………………………………………………………………………………………………………………………  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở Việt Nam: ……………………………………………………………………………………………………………………………….  **Đối với cá nhân mang hai quốc tịch,bổ sung thêm các nội dung sau liên quan đến quốc tịch còn lại**:  Quốc tịch: ……..  Số Hộ chiếu: *…………………………..……………..……………*  Ngày cấp: *……………………………..……….* Nơi cấp: *………………..….………* Ngày hết hạn hiệu lực: …………………..  Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch còn lại: …………… | | | | | | | | | |
| **Phạm vi đại diện, thời hạn ủy quyền của Chủ tài khoản:**  Mặc định theo nội dung ủy quyền tại văn bản đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán của tài khoản số …………….. ký ngày………. tháng ….... năm ……..  Trường hợp không áp dụng nội dung ủy quyền nêu trên, Khách hàng cung cấp thông tin văn bản ủy quyền như sau: Văn bản ủy quyền số…………ngày…………. của …………………….. | | | | | | | | | |
| **4. THÔNG TIN NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN là người Đại diện hợp pháp thứ ….** | | | | | | | | | |
| **Đăng ký mới**  **Thay đổi**  **Hủy**  **Khác:***……………* | | | | | **MẪU CHỮ KÝ 1**  *(Mẫu chữ ký mới)* | | | **MẪU CHỮ KÝ 2**  *(Mẫu chữ ký mới)* | |
| Họ và tên: *………………………………..…………………….……*  Ngày, tháng, năm sinh: *………………………………………* Nam Nữ  Nghề nghiệp: *………………………….……..*  Chức vụ: *……….…………….……*  Quốc tịch: *…………………………….*Mã số thuế (nếu có): *…….…….………..*  Thông tin định danh do CQ có thẩm quyền NN cấp[[14]](#footnote-15): ……………………………………………………………….  Giấy tờ tùy thân[[15]](#footnote-16): *………………………….[[16]](#footnote-17)*  Ngày cấp: *……………………………..…*Nơi cấp: *………………*  Có giá trị đến: ……………………………………  Điện thoại: *…………………………..…………*Email: *………………………………………* | | | | |  | | |  | |
| Địa chỉ thường trú: *………………………………………………………………………………………………...*  Tình trạng cư trú:  Cư trú  Không cư trú  **Đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam:**  Số thị thực/ Giấy tờ thay thế thị thực: *…………….……………* Nơi cấp: *……………………….……* Ngày hết hạn: *………………………………[[17]](#footnote-18)*  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở nước ngoài: ………………………….  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở Việt Nam: ………………..  **Đối với cá nhân mang hai quốc tịch,bổ sung thêm các nội dung sau liên quan đến quốc tịch còn lại**:  Quốc tịch: …………………………………………………………..  Số Hộ chiếu: *…………………………..……………..……………*  Ngày cấp: *……………………………..……….* Nơi cấp: *………………..….………* Ngày hết hạn hiệu lực: …………………..  Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch còn lại: …………… | | | | | | | | | |
| **Phạm vi đại diện, thời hạn ủy quyền của Chủ tài khoản:**  Mặc định theo nội dung ủy quyền tại văn bản đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán của tài khoản số …………….. ký ngày………. tháng ….... năm ……..  Trường hợp không áp dụng nội dung ủy quyền nêu trên, Khách hàng cung cấp thông tin văn bản ủy quyền như sau: Văn bản ủy quyền số…………ngày…………. của ……………………. | | | | | | | | | |
| **5. THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỂN SỬ DỤNG TÀI KHOẢN** | | | | **MẪU CHỮ KÝ 1**  *(Mẫu chữ ký mới)* | | | **MẪU CHỮ KÝ 2**  *(Mẫu chữ ký mới)* | | |
| Họ và tên: *………………………………..…………………….……*  Ngày, tháng, năm sinh: *……………………………………*Nam Nữ  Nghề nghiệp: *………………………….……..*  Chức vụ: *……….…………….……*  Quốc tịch: *…………………………*Mã số thuế (nếu có): *…….…….………..*  Thông tin định danh do CQ có thẩm quyền NN cấp[[18]](#footnote-19): ……………………………………………………………….  Giấy tờ tùy thân[[19]](#footnote-20): *………………………….[[20]](#footnote-21)*  Ngày cấp: *……………………………..…*Nơi cấp: *………………*  Có giá trị đến: ……………………………………  Điện thoại: *……………………….……*Email: *…………………………………………….* | | | |  | | |  | | |
| Địa chỉ thường trú: *………………………………………………………………………………………………...*  Tình trạng cư trú:  Cư trú  Không cư trú  **Đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam:**  Số thị thực/ Giấy tờ thay thế thị thực: *…………….……………* Nơi cấp: *……………………….……* Ngày hết hạn: *………………………………[[21]](#footnote-22)*  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở nước ngoài: ………………………….  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở Việt Nam: ………………..  **Đối với cá nhân mang hai quốc tịch,bổ sung thêm các nội dung sau liên quan đến quốc tịch còn lại**:  Quốc tịch: ……..  Số Hộ chiếu: *…………………………..……………..……………*  Ngày cấp: *……………………………..……….* Nơi cấp: *………………..….………* Ngày hết hạn hiệu lực: …………………..  Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch còn lại: …………………………………………………………………………………………….. | | | | | | | | | |
| **Phạm vi, thời hạn ủy quyền sử dụng tài khoản của Chủ tài khoản:**  Mặc định theo nội dung ủy quyền tại văn bản đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán của tài khoản số …………….. ký ngày………. tháng ….... năm ……..  Trường hợp không áp dụng nội dung ủy quyền nêu trên, Khách hàng cung cấp thông tin văn bản ủy quyền như sau: Văn bản ủy quyền số…………ngày…………. của ……………………. | | | | | | | | | |
| **6. THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỂN SỬ DỤNG TÀI KHOẢN** | | **MẪU CHỮ KÝ 1**  *(Mẫu chữ ký mới)* | | | | | **MẪU CHỮ KÝ 2**  *(Mẫu chữ ký mới))* | | |
| Họ và tên: *………………………………..…………………….……*  Ngày, tháng, năm sinh: *………………………………*Nam Nữ  Nghề nghiệp: *………………………….……..*  Chức vụ: *……….…………….……*  Quốc tịch: *…………………………*Mã số thuế (nếu có): *…….…….……….*  Thông tin định danh do CQ có thẩm quyền NN cấp[[22]](#footnote-23): ……………………………………………………………….  Giấy tờ tùy thân[[23]](#footnote-24): *………………………….[[24]](#footnote-25)*  Ngày cấp: *……………………………..…*Nơi cấp: *………………*  Có giá trị đến: ……………………………………  Điện thoại: *……………………………*Email: *…………………………………………….* | |  | | | | |  | | |
| Địa chỉ thường trú: *………………………………………………………………………………………………...*  Tình trạng cư trú:  Cư trú  Không cư trú  **Đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam:**  Số thị thực/ Giấy tờ thay thế thị thực: *…………….……………* Nơi cấp: *……………………….……* Ngày hết hạn: *………………………………*[[25]](#footnote-26)  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở nước ngoài: ………………………….  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở Việt Nam: ………………..  **Đối với cá nhân mang hai quốc tịch,bổ sung thêm các nội dung sau liên quan đến quốc tịch còn lại**:  Quốc tịch: ……..  Số Hộ chiếu: *…………………………..……………..……………*  Ngày cấp: *……………………………..……….* Nơi cấp: *………………..….………* Ngày hết hạn hiệu lực: …………………..  Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch còn lại: …………… | | | | | | | | | |
| **Phạm vi, thời hạn ủy quyền sử dụng tài khoản của Chủ tài khoản:**  Mặc định theo nội dung ủy quyền tại văn bản đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán của tài khoản số …………….. ký ngày………. tháng ….... năm ……..  Trường hợp không áp dụng nội dung ủy quyền nêu trên, Khách hàng cung cấp thông tin văn bản ủy quyền như sau: Văn bản ủy quyền số…………ngày…………. của ……………………. | | | | | | | | | |
| **7. THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỂN SỬ DỤNG TÀI KHOẢN** | | | **MẪU CHỮ KÝ 1**  *(Mẫu chữ ký mới)* | | | | | | **MẪU CHỮ KÝ 2**  *(Mẫu chữ ký mới)* |
| Họ và tên: *………………………………..…………………….……*  Ngày, tháng, năm sinh: *…………………………………*Nam Nữ  Nghề nghiệp: *………………………….……..* Chức vụ: *……….…………….……*  Quốc tịch: *……………………….*Mã số thuế (nếu có): *…….…….………..*  Thông tin định danh do CQ có thẩm quyền NN cấp[[26]](#footnote-27): ……………………………………………………………….  Giấy tờ tùy thân[[27]](#footnote-28): *………………………….*[[28]](#footnote-29)  Ngày cấp: *……………………………..…*Nơi cấp: *………………*  Có giá trị đến: ……………………………………  Điện thoại: *…………………………..*Email: *…………………………………………….* | | |  | | | | | |  |
| Địa chỉ thường trú: *………………………………………………………………………………………………...*  Tình trạng cư trú:  Cư trú  Không cư trú  **Đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam:**  Số thị thực/ Giấy tờ thay thế thị thực: *…………….……………* Nơi cấp: *……………………….……* Ngày hết hạn: *………………………………*[[29]](#footnote-30)  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở nước ngoài: ………………………….*……………………………………………………………………….........................*  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở Việt Nam: ………………..*……………………………………………………………………….......................................*  **Đối với cá nhân mang hai quốc tịch,bổ sung thêm các nội dung sau liên quan đến quốc tịch còn lại**:  Quốc tịch: ……..  Số Hộ chiếu: *…………………………..……………..……………*  Ngày cấp: *……………………………..……….* Nơi cấp: *………………..….………* Ngày hết hạn hiệu lực:…………………..  Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch còn lại: …………… | | | | | | | | | |
| **Phạm vi, thời hạn ủy quyền sử dụng tài khoản của Chủ tài khoản:**  Mặc định theo nội dung ủy quyền tại văn bản đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán của tài khoản số …………….. ký ngày………. tháng ….... năm ……..  Trường hợp không áp dụng nội dung ủy quyền nêu trên, Khách hàng cung cấp thông tin văn bản ủy quyền như sau: Văn bản ủy quyền số…………ngày…………. của ……………………. | | | | | | | | | |
| **III. ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÔNG TIN, CHỮ KÝ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN CỦA KẾ TOÁN TRƯỞNG/PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN, NGƯỜI ĐƯỢC KẾ TOÁN TRƯỞNG/PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN ỦY QUYỀN (NHÓM CHỮ KÝ THỨ HAI)** | | | | | | | | | |
| *Lưu ý: Thông tin Số thị thực nhập cảnh, ngày hết hạn, nơi cấp, Địa chỉ cư trú nước ngoài áp dụng đối với Người nước ngoài/Người không quốc tịch/Người có từ 2 quốc tịch trở lên.* | | | | | | | | | |
| **1. THÔNG TIN KẾ TOÁN TRƯỞNG/PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN** | | | | | **MẪU CHỮ KÝ 1**  *(Mẫu chữ ký mới)* | | | **MẪU CHỮ KÝ 2**  *(Mẫu chữ ký mới)* | |
| **Đăng ký mới**  **Thay đổi**  **Khác:***………………* | | | | |
| Họ và tên: *………………………………..…………………….……*  Ngày, tháng, năm sinh: *……………………………………*Nam Nữ  Nghề nghiệp: *………………………….……..* Chức vụ: *……….…………….……*  Quốc tịch: *…………………………….*Mã số thuế (nếu có): *…….…….………..*  Thông tin định danh do CQ có thẩm quyền NN cấp[[30]](#footnote-31): ……………………………………………………………….  Giấy tờ tùy thân[[31]](#footnote-32): *………………………….[[32]](#footnote-33)*  Ngày cấp: *……………………………..…*Nơi cấp: *………………*  Có giá trị đến: ……………………………………  Điện thoại: *…………………………..……*Email: *…………………………………………….* | | | | |  | | |  | |
| Địa chỉ thường trú: *………………………………………………………………………………………………...*  Tình trạng cư trú:  Cư trú  Không cư trú  **Đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam:**  Số thị thực/ Giấy tờ thay thế thị thực: *…………….……………* Nơi cấp: *……………………….……* Ngày hết hạn: *………………………………[[33]](#footnote-34)*  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở nước ngoài: ………………………….  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở Việt Nam: ………………..  **Đối với cá nhân mang hai quốc tịch,bổ sung thêm các nội dung sau liên quan đến quốc tịch còn lại**:  Quốc tịch: …………………………………………………………..  Số Hộ chiếu: *…………………………..……………..……………*  Ngày cấp: *……………………………..……….* Nơi cấp: *………………..….………* Ngày hết hạn hiệu lực: …………………..  Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch còn lại: …………………………………………………………………………………………… | | | | | | | | | |
| **Thông tin Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán đăng ký hủy bỏ (nếu có):**  Họ và tên: *……………………………………………………………………………* Ngày sinh: *……………………………………………………………*  Thẻ CCCD/Thẻ CC/CCĐT/CMND/HC/Giấy chứng nhận căn cước/: *…………………………..……….………* Ngày cấp: *……………………* Nơi cấp: *……………………* | | | | | | | | | |
| **2. THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN THỨ** …………………. | | | | | **MẪU CHỮ KÝ 1**  *(Mẫu chữ ký mới)* | | | **MẪU CHỮ KÝ 2**  *(Mẫu chữ ký mới)* | |
| **Đăng ký mới**  **Thay đổi**  **Hủy**  **Khác:***……………* | | | | |
| Họ và tên: *………………………………..…………………….……*  Ngày, tháng, năm sinh: *…………………………………..*Nam Nữ  Nghề nghiệp: *………………………….……..* Chức vụ: *……….…………….……*  Quốc tịch: *…………………………….*Mã số thuế (nếu có): *…….…….………..*  Thông tin định danh do CQ có thẩm quyền NN cấp[[34]](#footnote-35): ……………………………………………………………….  Giấy tờ tùy thân[[35]](#footnote-36): *………………………….[[36]](#footnote-37)*  Ngày cấp: *……………………………..…*Nơi cấp: *………………*  Có giá trị đến: ……………………………………  Điện thoại: *…………………………..……*Email: *…………………………………………….* | | | | |  | | |  | |
| Địa chỉ thường trú: *………………………………………………………………………………………………...*  Tình trạng cư trú:  Cư trú  Không cư trú  **Đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam:**  Số thị thực/ Giấy tờ thay thế thị thực: *…………….……………* Nơi cấp: *……………………….……* Ngày hết hạn: *………………………………*[[37]](#footnote-38)  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở nước ngoài: ………………………….  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở Việt Nam: ………………..  **Đối với cá nhân mang hai quốc tịch,bổ sung thêm các nội dung sau liên quan đến quốc tịch còn lại**:  Quốc tịch: ……..  Số Hộ chiếu: *…………………………..……………..……………*  Ngày cấp: *……………………………..……….* Nơi cấp: *………………..….………* Ngày hết hạn hiệu lực: …………………..  Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch còn lại: …………………………………………………………………………………………… | | | | | | | | | |
| **Phạm vi đại diện, thời hạn ủy quyền của Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán:**  Mặc định theo ủy quyền tại văn bản đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán của tài khoản số …………….. ký ngày……. tháng…..... năm……..  Trường hợp không áp dụng nội dung ủy quyền nêu trên, vui lòng cung cấp thông tin văn bản ủy quyền như sau: Văn bản ủy quyền số…………ngày…………. của ……………………….. | | | | | | | | | |
| **3. THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN THỨ** ……………….. | | | | | **MẪU CHỮ KÝ 1**  *(Mẫu chữ ký mới)* | | | **MẪU CHỮ KÝ 2**  *(Mẫu chữ ký mới)* | |
| **Đăng ký mới**  **Thay đổi**  **Hủy**  **Khác:***……………* | | | | |
| Họ và tên: *………………………………..…………………….……*  Ngày, tháng, năm sinh: *……………………………………….*Nam Nữ  Nghề nghiệp: *………………………….……..* Chức vụ: *……….…………….……*  Quốc tịch: *…………………………….*Mã số thuế (nếu có): *…….…….………..*  Thông tin định danh do CQ có thẩm quyền NN cấp[[38]](#footnote-39): ……………………………………………………………….  Giấy tờ tùy thân[[39]](#footnote-40): *………………………….*[[40]](#footnote-41)  Ngày cấp: *……………………………..…*Nơi cấp: *………………*  Có giá trị đến: ……………………………………  Điện thoại: *…………………………………*Email: *…………………………………………….* | | | | |  | | |  | |
| Địa chỉ thường trú: *………………………………………………………………………………………………...*  Tình trạng cư trú:  Cư trú  Không cư trú  **Đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam:**  Số thị thực/ Giấy tờ thay thế thị thực: *…………….……………* Nơi cấp: *……………………….……* Ngày hết hạn: *………………………………*[[41]](#footnote-42)  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở nước ngoài: ………………………….  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở Việt Nam: ………………..  **Đối với cá nhân mang hai quốc tịch,bổ sung thêm các nội dung sau liên quan đến quốc tịch còn lại**:  Quốc tịch: …………………………………………………………..  Số Hộ chiếu: *…………………………..……………..……………*  Ngày cấp: *……………………………..……….* Nơi cấp: *………………..….………* Ngày hết hạn hiệu lực: …………………..  Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch còn lại: …………………………………………………………………………………………… | | | | | | | | | |
| **Phạm vi đại diện, thời hạn ủy quyền của Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán:**  Mặc định theo ủy quyền tại văn bản đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán của tài khoản số …………….. ký ngày……. tháng…..... năm……..  Trường hợp không áp dụng nội dung ủy quyền nêu trên, vui lòng cung cấp thông tin văn bản ủy quyền như sau: Văn bản ủy quyền số…………ngày…………. của …………………. | | | | | | | | | |
| **IV. ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI MẪU DẤU (Mẫu dấu mới)** | | | | | | | | | |
| |  |  | | --- | --- | | **Đóng dấu lần 1** | **Đóng dấu lần 2** | |  |  | | | | | | | | | | |
| **V. ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÔNG TIN DỊCH VỤ TÀI KHOẢN (Chỉ khai các nội dung thay đổi)** | | | | | | | | | |
| **Đăng ký thay đổi Dịch vụ nhận Sổ phụ tài khoản và Hóa đơn** *(Áp dụng cho tất cả các tài khoản thanh toán hiện có của Khách hàng)*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Mới** | **Thay đổi** | **Hủy** |   - Tần suất nhận Sổ phụ tài khoản: □ Hàng ngày □ Hàng tuần □ Hàng tháng □ Khác  - Hình thức nhận Sổ phụ tài khoản:  Trực tiếp tại VPBank[[42]](#footnote-43): *………………………………………………………………………….…………………………………………………..*  Qua bưu điện, địa chỉ nhận: *……………………………………………………………………………………………………….…………*  Qua thư điện tử, địa chỉ email: *………………………………………………………………………………………..……………………*  Qua fax, số fax: *………………………………………………………………………………………………………………………….………………*  Qua Swiftcode *(nhập Swift code và tên của tổ chức nhận điện): ………….……………….………………*  *………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….*  - Địa chỉ email nhận Hóa đơn: *……………………………………………………………………………………………………………….…………* | | | | | | | | | |
| **VI. ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÔNG TIN NGƯỜI GIAO NHẬN HỢP ĐỒNG, VĂN BẢN, CHỨNG TỪ** | | | | | | | | | |
| **Đăng ký mới**  **Thay đổi thông tin**  **Hủy bỏ** | | | | | | **Ghi chú (nếu có)** | | | |
| 1 | Họ và tên: *……………………………………………*  Chức vụ: *……………………………..……………*  Điện thoại: *…………………………* Email: *…………………………………………………*  Số CMND/CCCD/Thẻ CC/CC điện tử: ………………………….Ngày cấp: ………..……… Nơi cấp ……………, có giá trị đến: …../…./……  Địa chỉ: *…………………………………………………………………………………………………………………* | | | | |  | | | |
| **Đăng ký mới**  **Thay đổi thông tin**  **Hủy bỏ** | | | | | | **Ghi chú (nếu có)** | | | |
| 2 | Họ và tên: *……………………………………………*  Chức vụ: *……………………………..……………*  Điện thoại: *…………………………* Email: *…………………………………………………*  Số CMND/CCCD/Thẻ CC/CC điện tử: ………………………….Ngày cấp: ………..……… Nơi cấp ……………, có giá trị đến: …../…./……  Địa chỉ: *…………………………………………………………………………………………………………………* | | | | |  | | | |
| **VII.ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI KHÁC:** | | | | | | | | | |
| *………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………* | | | | | | | | | |
| **VIII.XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG** | | | | | | | | | |
| Chúng tôi cam kết rằng:   1. Mọi thông tin Chúng tôi cung cấp là chính xác, đầy đủ, chân thực và cập nhật. Chúng tôi sẽ thông báo cho VPBank trong vòng 30 ngày nếu có bất kỳ thay đổi nào đối với thông tin mà Chúng tôi đã cung cấp cho VPBank và miễn trừ trách nhiệm của VPBank trong mọi trường hợp nếu Chúng tôi chậm trễ trong việc không thực hiện theo đúng cam kết này. 2. Chúng tôi cam kết cập nhật hiệu lực, thời hạn sử dụng của Giấy tờ tùy thân của Đại diện hợp pháp, Người được ủy quyền sử dụng TKTT theo đúng quy định tại Điều kiện giao dịch chung. 3. Trong trường hợp đăng ký thay đổi mẫu dấu, Chúng tôi cam kết mẫu dấu được đăng ký tại Phụ lục này đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hợp lệ theo quy định nội bộ của Chúng tôi. Chúng tôi cam kết chịu mọi trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, hợp pháp, phù hợp thuần phong mỹ tục, văn hóa, khả năng gây nhầm lẫn của con dấu và tranh chấp phát sinh do việc quản lý và sử dụng con dấu. 4. Các nội dung thay đổi trên có hiệu lực kể từ ngày VPBank chấp thuận tại Phần dành cho VPBank của Giấy đề nghị, các nội dung khác không được đề cập tại Phụ lục này (bao gồm cả nội dung, thời hạn ủy quyền) hoặc không được VPBank chấp thuận thì giữ nguyên hiệu lực theo các văn bản Khách hàng đã đăng ký với VPBank và được VPBank chấp thuận. 5. Chúng tôi hiểu rằng trường hợp Chúng tôi lập 01 (một) bản gốc Giấy đề nghị và Phụ lục này, VPBank sẽ giữ 01 (một) bản gốc và gửi lại cho Chúng tôi 01 (một) bản sao; trường hợp Chúng tôi lập 02 (hai) bản gốc Giấy đề nghị và Phụ lục này, VPBank sẽ giữ 01 (một) bản gốc và gửi lại cho Chúng tôi 01 (một) bản gốc. | | | | | | | | | |
| **B. PHẦN DÀNH CHO VPBANK** | | | | | | | | | |
| Mã Khách hàng (CIF): …………………………………………………….  VND – số tài khoản: ………………………………………………………  Ngoại tệ - số tài khoản: ………………………………………………. | | | | | | | | | |

**HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG MẪU BIỂU**

1. **TRƯỜNG HỢP ÁP DỤNG:**

Mẫu biểu này áp dụng cho trường hợp Khách hàng có sự thay đổi thông tin Khách hàng, TKTT. Mẫu biểu này chỉ được sử dụng là Phụ lục của Giấy đề nghị đăng ký dịch vụ.

1. **PHẦN NỘI DUNG**
2. **Phần dành cho Khách hàng – Chủ tài khoản:**

Trường hợp Khách hàng đăng ký thay đổi thông tin nhận biết khách hàng khác và/hoặc thông tin FATCA thì đề nghị Khách hàng cung cấp thông tin theo mẫu biểu MB03.HDM-PC.RT.NB01 ban hành kèm theo Hướng dẫn mẫu biểu số 39/2023/HDM-TGĐ, đồng thời thu thập đầy đủ hồ sơ, tài liệu xác minh thông tin nhận biết khách hàng theo Quy định 30/2023/QĐi-TGĐ và/hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế do VPBank ban hành từng thời kỳ.

1. **Phần đăng ký thông tin thay đổi tài khoản Khách hàng:** Hướng dẫn Khách hàng chỉ kê khai những nội dung thay đổi.

Lưu ý: Trường hợp thay đổi thông tin Chi Nhánh/Văn phòng Đại diện thì sửa đổi nội dung như sau:

Tại Phần A, Mục I:

* Thay đổi tiêu đề và nội dung Mục I bằng nội dung sau:

“**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÔNG TIN CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN”**

|  |
| --- |
| **I. ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÔNG TIN CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN** |
| Tên Chi nhánh/VPĐD: ……………………………………………………………………… |
| Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh/VPĐD: …………… được cấp lần đầu ngày ………/………/……., được sửa đổi lần thứ …. ngày …… tháng … năm ……… |
| Mã số thuế: …………………………………………………………………………………………… |
| Địa chỉ chi nhánh/VPĐD: Ghi nhận tại Giấy chứng chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh/VPĐD nêu trên  Địa chỉ giao dịch:  Giống Địa chỉ trụ sở chính  Địa chỉ khác: Quận, huyện: ………………… Tỉnh, Thành phố: ………………… |
| Điện thoại cố định: ……………Fax: ……………… Website: …………………………… |
| Điện thoại di động: …………………… Email: …………………………… (sử dụng để nhận các thông báo từ VPBank) |
| Lĩnh vực hoạt động kinh doanh: …………………………………………………………………… |

1. **Phần đăng ký thay đổi thông tin, chữ ký sử dụng tài khoản của người Đại diện hợp pháp của Chủ tài khoản, người được ủy quyển sử dụng TK, Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán, Người được Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán ủy quyền:**

* Hướng dẫn Khách hàng kê khai, tích lựa chọn những nội dung thay đổi và/hoặc đăng ký mới và/hoặc hủy bỏ.
* Trường hợp đăng ký mới (bổ sung thêm mới) người Đại diện theo ủy quyền của Chủ tài khoản (so với thông tin hiện có trên mẫu biểu),người được ủy quyền sử dụng tài khoản hoặc đăng ký mới (bổ sung thêm mới) Người được ủy quyền của Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (so với thông tin hiện có trên mẫu biểu) thì đơn vị có thể chủ động bổ sung thêm thông tin tương ứng với các thông tin theo mẫu biểu hiện hành của VPBank.

1. **Phần đăng ký thay đổi mẫu dấu:** Hướng dẫn Khách hàng đăng ký mẫu dấu mới của Khách hàng.
2. **Phần đăng ký thay đổi thông tin dịch vụ tài khoản:** Hướng dẫn Khách hàng lựa chọn và tích chính xác vào ô lựa chọn
3. **Thông tin về đăng ký người giao nhận hồ sơ, chứng từ:** Hướng dẫn Khách hàng kê khai chính xác và tích vào ô lựa chọn chính xác.

1. Nếu trùng với số ĐKDN/ ĐKKD thì không cần điền. [↑](#footnote-ref-2)
2. Chỉ điền đối với cá nhân người nước ngoài không có thông tin số hộ chiếu [↑](#footnote-ref-3)
3. **Giấy tờ tùy thân được xác định như sau:**

   **- Công dân Việt Nam:** Thẻ CCCD/Thẻ CC/ CC điện tử/ CMND

   **- Người gốc VN chưa xác định được quốc tịch**: Giấy chứng nhận căn cước

   - **Người nước ngoài:** Hộ chiếu hoặc Danh tính điện tử

   - Người không quốc tịch: Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế [↑](#footnote-ref-4)
4. **LƯU Ý:** khi điền tại phần này cần điền rõ cả loại GTTT và số GTTT (ví dụ nếu giấy tờ tùy thân là CMND thì điền: CMND số 123456789) [↑](#footnote-ref-5)
5. Không điền với trường hợp được miễn thị thực theo quy định pháp luật [↑](#footnote-ref-6)
6. **Chỉ điền đối với cá nhân người nước ngoài không có thông tin số hộ chiếu** [↑](#footnote-ref-7)
7. **Giấy tờ tùy thân được xác định như sau:**

   **- Công dân Việt Nam:** Thẻ CCCD/Thẻ CC/ CC điện tử/ CMND

   **- Người gốc VN chưa xác định được quốc tịch**: Giấy chứng nhận căn cước

   - **Người nước ngoài:** Hộ chiếu hoặc Danh tính điện tử

   - Người không quốc tịch: Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế [↑](#footnote-ref-8)
8. **LƯU Ý: khi điền tại phần này cần điền rõ cả loại GTTT và số GTTT (ví dụ nếu giấy tờ tùy thân là CMND thì điền: CMND số 123456789)** [↑](#footnote-ref-9)
9. Không áp dụng với trường hợp được miễn thị thực theo quy định pháp luật [↑](#footnote-ref-10)
10. **Chỉ điền đối với cá nhân người nước ngoài không có thông tin số hộ chiếu** [↑](#footnote-ref-11)
11. **Giấy tờ tùy thân được xác định như sau:**

    **- Công dân Việt Nam:** Thẻ CCCD/Thẻ CC/ CC điện tử/ CMND

    **- Người gốc VN chưa xác định được quốc tịch**: Giấy chứng nhận căn cước

    - **Người nước ngoài:** Hộ chiếu hoặc Danh tính điện tử

    - Người không quốc tịch: Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế [↑](#footnote-ref-12)
12. **LƯU Ý: khi điền tại phần này cần điền rõ cả loại GTTT và số GTTT (ví dụ nếu giấy tờ tùy thân là CMND thì điền: CMND số 123456789)** [↑](#footnote-ref-13)
13. Không áp dụng với trường hợp được miễn thị thực theo quy định pháp luật [↑](#footnote-ref-14)
14. **Chỉ điền đối với cá nhân người nước ngoài không có thông tin số hộ chiếu** [↑](#footnote-ref-15)
15. **Giấy tờ tùy thân được xác định như sau:**

    **- Công dân Việt Nam:** Thẻ CCCD/Thẻ CC/ CC điện tử/ CMND

    **- Người gốc VN chưa xác định được quốc tịch**: Giấy chứng nhận căn cước

    - **Người nước ngoài:** Hộ chiếu hoặc Danh tính điện tử

    - Người không quốc tịch: Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế [↑](#footnote-ref-16)
16. **LƯU Ý: khi điền tại phần này cần điền rõ cả loại GTTT và số GTTT (ví dụ nếu giấy tờ tùy thân là CMND thì điền: CMND số 123456789)** [↑](#footnote-ref-17)
17. Không áp dụng với trường hợp được miễn thị thực theo quy định pháp luật [↑](#footnote-ref-18)
18. **Chỉ điền đối với cá nhân người nước ngoài không có thông tin số hộ chiếu** [↑](#footnote-ref-19)
19. **Giấy tờ tùy thân được xác định như sau:**

    **- Công dân Việt Nam:** Thẻ CCCD/Thẻ CC/ CC điện tử/ CMND

    **- Người gốc VN chưa xác định được quốc tịch**: Giấy chứng nhận căn cước

    - **Người nước ngoài:** Hộ chiếu hoặc Danh tính điện tử

    - Người không quốc tịch: Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế [↑](#footnote-ref-20)
20. **LƯU Ý: khi điền tại phần này cần điền rõ cả loại GTTT và số GTTT (ví dụ nếu giấy tờ tùy thân là CMND thì điền: CMND số 123456789)** [↑](#footnote-ref-21)
21. Không áp dụng với trường hợp được miễn thị thực theo quy định pháp luật [↑](#footnote-ref-22)
22. **Chỉ điền đối với cá nhân người nước ngoài không có thông tin số hộ chiếu** [↑](#footnote-ref-23)
23. **Giấy tờ tùy thân được xác định như sau:**

    **- Công dân Việt Nam:** Thẻ CCCD/Thẻ CC/ CC điện tử/ CMND

    **- Người gốc VN chưa xác định được quốc tịch**: Giấy chứng nhận căn cước

    - **Người nước ngoài:** Hộ chiếu hoặc Danh tính điện tử

    - Người không quốc tịch: Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế [↑](#footnote-ref-24)
24. **LƯU Ý: khi điền tại phần này cần điền rõ cả loại GTTT và số GTTT (ví dụ nếu giấy tờ tùy thân là CMND thì điền: CMND số 123456789)** [↑](#footnote-ref-25)
25. Không áp dụng với trường hợp được miễn thị thực theo quy định pháp luật [↑](#footnote-ref-26)
26. Chỉ điền đối với cá nhân người nước ngoài không có thông tin số hộ chiếu [↑](#footnote-ref-27)
27. **Giấy tờ tùy thân được xác định như sau:**

    **- Công dân Việt Nam:** Thẻ CCCD/Thẻ CC/ CC điện tử/ CMND

    **- Người gốc VN chưa xác định được quốc tịch**: Giấy chứng nhận căn cước

    - **Người nước ngoài:** Hộ chiếu hoặc Danh tính điện tử

    - Người không quốc tịch: Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế [↑](#footnote-ref-28)
28. **LƯU Ý:** khi điền tại phần này cần điền rõ cả loại GTTT và số GTTT (ví dụ nếu giấy tờ tùy thân là CMND thì điền: CMND số 123456789) [↑](#footnote-ref-29)
29. Không áp dụng với trường hợp được miễn thị thực theo quy định pháp luật [↑](#footnote-ref-30)
30. **Chỉ điền đối với cá nhân người nước ngoài không có thông tin số hộ chiếu** [↑](#footnote-ref-31)
31. **Giấy tờ tùy thân được xác định như sau:**

    **- Công dân Việt Nam:** Thẻ CCCD/Thẻ CC/ CC điện tử/ CMND

    **- Người gốc VN chưa xác định được quốc tịch**: Giấy chứng nhận căn cước

    - **Người nước ngoài:** Hộ chiếu hoặc Danh tính điện tử

    - Người không quốc tịch: Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế [↑](#footnote-ref-32)
32. **LƯU Ý: khi điền tại phần này cần điền rõ cả loại GTTT và số GTTT (ví dụ nếu giấy tờ tùy thân là CMND thì điền: CMND số 123456789)** [↑](#footnote-ref-33)
33. Không áp dụng với trường hợp được miễn thị thực theo quy định pháp luật [↑](#footnote-ref-34)
34. **Chỉ điền đối với cá nhân người nước ngoài không có thông tin số hộ chiếu** [↑](#footnote-ref-35)
35. **Giấy tờ tùy thân được xác định như sau:**

    **- Công dân Việt Nam:** Thẻ CCCD/Thẻ CC/ CC điện tử/ CMND

    **- Người gốc VN chưa xác định được quốc tịch**: Giấy chứng nhận căn cước

    - **Người nước ngoài:** Hộ chiếu hoặc Danh tính điện tử

    - Người không quốc tịch: Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế [↑](#footnote-ref-36)
36. **LƯU Ý: khi điền tại phần này cần điền rõ cả loại GTTT và số GTTT (ví dụ nếu giấy tờ tùy thân là CMND thì điền: CMND số 123456789)** [↑](#footnote-ref-37)
37. Không áp dụng với trường hợp được miễn thị thực theo quy định pháp luật [↑](#footnote-ref-38)
38. Chỉ điền đối với cá nhân người nước ngoài không có thông tin số hộ chiếu [↑](#footnote-ref-39)
39. **Giấy tờ tùy thân được xác định như sau:**

    **- Công dân Việt Nam:** Thẻ CCCD/Thẻ CC/ CC điện tử/ CMND

    **- Người gốc VN chưa xác định được quốc tịch**: Giấy chứng nhận căn cước

    - **Người nước ngoài:** Hộ chiếu hoặc Danh tính điện tử

    - Người không quốc tịch: Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế [↑](#footnote-ref-40)
40. **LƯU Ý: khi điền tại phần này cần điền rõ cả loại GTTT và số GTTT (ví dụ nếu giấy tờ tùy thân là CMND thì điền: CMND số 123456789)** [↑](#footnote-ref-41)
41. Không áp dụng với trường hợp được miễn thị thực theo quy định pháp luật [↑](#footnote-ref-42)
42. Hướng dẫn Khách hàng điền thông tin Địa điểm giao dịch của VPBank – nơi Khách hàng muốn đến nhận Sổ phụ tài khoản/hóa đơn [↑](#footnote-ref-43)